

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 253/2019/DS-PT
Ngày: 30 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thuý

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 189/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2019/QĐPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Cẩm H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

Tạm trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Công B, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Tạm trú: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thu T trình bày:

Vào ngày 23/9/2018, bà có hợp đồng mua bán cây giống với bà Huỳnh Thị Cẩm H, hình thức hợp đồng bằng miệng. Bà H đặt mua của bà 3000 cây mít giống loại mít rép siêu sớm, giá 10.000 đồng/01 cây, tiêu chuẩn của cây mít giống có đường kính gốc là 01

cm, chồi cao dao động từ 01 đến 04 tấc. Bà H giao cho bà 5.000.000 đồng tiền cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng. Hai bên thoả thuận trường hợp bà giao đủ cây, đúng chủng loại nhưng bà H không nhận thì bà không mất cọc, trường hợp bà giao không đủ số lượng, thời gian và không đúng chủng loại thì bà bị phạt cọc 5.000.000 đồng. Trong trường hợp hợp đồng được thực hiện thì số tiền cọc này sẽ được khấu trừ vào tiền cây giống. Việc thoả thuận về số tiền cọc này là thoả thuận miệng, không có lập thành văn bản. Thực hiện theo hợp đồng, bà tiến hành giao cho bà H 3000 cây mít rép siêu sớm. Tuy nhiên, bà H không đồng ý nhận toàn bộ số cây giống với lý do là cây giống không đúng như thoả thuận. Bà H chỉ nhận của bà 1250 cây mít rép siêu sớm với tổng số tiền là 12.500.000 đồng nhưng sau khi nhận số cây giống này bà H không thanh toán số tiền mặt cho bà. Số cây giống còn lại bà đem về vựa, cây có bị dập lá, thiệt hại nhưng bà đã bán và nhận được 5.000.000 đồng tiền cọc nên bà không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Khi giao cây thì bà trực tiếp giao cho bà H, có sự chứng kiến của anh Phan Minh Đ (sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre) là người chở thuê do bà thuê để chở cây giống cho bà H. Việc giao nhận cây giống giữa bà và bà H không có lập thành văn bản vì thông thường khi mua bán cây giống bà vẫn thực hiện bằng cách thức này. Bà có yêu cầu bà H thanh toán số tiền 12.500.000 đồng và nhận số cây giống còn lại nhưng bà H không thực hiện. Ông Phạm Công B là chồng hợp pháp của bà H, mặc dù không trực tiếp thực hiện giao dịch mua bán nhưng việc mua bán cây giống của bà H nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích chung của vợ chồng.

Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Cẩm H và ông Phạm Công B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền mua cây giống là 12.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với số tiền cọc 5.000.000 đồng do bà H không thực hiện đúng hợp đồng nên thuộc quyền sở hữu của bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị Cẩm H trình bày:

Khoảng tháng 9/2018, bà và bà Phan Thị Thu T có thoả thuận mua bán cây giống loại mít thái siêu sớm, bà là bên mua, bà T là bên bán. Hai bên thoả thuận bà mua của bà T 3000 cây với giá 10.000 đồng/cây, tiêu chuẩn của cây mít giống phải là gốc có đường kính 01cm, chồi cao dao động từ 03 đến 04 tấc. Bà T nói có đủ số mít giống đúng tiêu chuẩn nên bà có giao cho bà T 5.000.000 đồng tiền cọc để đảm bảo thực hiện hợp đồng.

Do bà mua mít của bà T để bán lại cho người khác nên việc chuyên chở, bốc xếp cây là do bên mua chịu trách nhiệm. Khoảng 21 giờ ngày hôm sau (sau khi thoả thuận), bên mua lại cho xe tải cùng bà đến trại cây "T H" của bà T để lấy cây. Tuy nhiên, khi đến nhận cây thì cây giống không đảm bảo chất lượng như thoả thuận. Sau đó, được sự đồng ý của bà T nên bà bắt đầu lựa chọn cây giống đạt chuẩn nhưng chỉ được số lượng ít nên bà bỏ đi tìm mua số cây còn lại. Trước khi đi bà có kêu bốc xếp nhận 500 cây giống đủ với số tiền bà đã đặt cọc và bốc xếp đã báo lại cho bà biết đã nhận đủ 500 cây để bà tìm 2500 cây còn lại. Bà không trực tiếp nhận cây giống từ bà T như lời trình bày của bà T. Do không đủ cây giống để giao nên bà phải mua cây giống của người khác với giá cao hơn thoả thuận với bà T là 500 đồng/cây nhưng bà không yêu cầu bồi thường.

Bà và ông Phạm Công B là vợ chồng hợp pháp nhưng việc mua bán giữa bà và bà T ông B không biết, bà và ông B mỗi người phụ trách một vựa cây giống nhằm để phát triển kinh tế của vợ chồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà hoàn trả lại số tiền 12.500.000 đồng bà không đồng ý vì bà đã lấy 500 cây giống đủ với số tiền cọc 5.000.000 đồng bà đã giao cho bà T.

Ông Phạm Công B vắng mặt trong quá trình toà giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà nên Toà án không ghi nhận được lời trình bày của ông B.

Sau khi hoà giải không thành, Toà án nhân huyện Mô Cày Bắc đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20/3/2019 của Toà án nhân dân huyện Mô Cày Bắc đã quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T đối với số tiền 5.000.000 đồng.

Do khấu trừ tiền cọc 5.000.000 đồng vào số tiền bà Huỳnh Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị Thu T nên bà Huỳnh Thị Cẩm H và ông Phạm Công B không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bà Phan Thị Thu T.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/4/2019 nguyên đơn bà Phan Thị Thu T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Lời trình bày của những người làm chứng không có cơ sở chứng minh được số cây là bao nhiêu, kháng cáo của nguyên đơn là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bên đương sự đều thống nhất với nhau về việc có xác lập hợp đồng mua bán cây giống là cây mít nếp siêu sớm, hình thức hợp đồng bằng miệng, việc xác lập hợp đồng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng các bên đã lập là hợp pháp. Cụ thể, bà T bán cho bà H 3000 cây mít nếp siêu sớm, giá 10.000 đồng/cây, tiêu chuẩn gốc cây có đường kính 01cm, chồi cao dao động từ 03 đến 04 tấc. Bà T cho rằng bà H đã nhận của bà 1250 cây giống nhưng chưa thanh toán số tiền 12.500.000 đồng, đồng

thời bà H cũng không chịu nhận tiếp 1750 cây giống còn lại theo như thoả thuận. Bà H chỉ xác định có nhận của bà T 500 cây giống với số tiền cọc 5.000.000 đồng đã giao cho bà T nên bà không đồng ý hoàn trả tiền cho bà T số tiền mà bà T yêu cầu. Nhận thấy, mặc dù bà T có cung cấp cho toà "Giấy xác nhận" ngày 28/01/2019 của anh Phan Minh Đ là người trực tiếp chở cây giao cho bà H xác nhận bà H có nhận của bà T 1250 cây giống nhưng anh Đ là người làm công cho bà T nên những thông tin mà anh cung cấp là không khách quan. Ngoài ra, bà T cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của mình khi đã được toà án thông báo giao nộp chứng cứ, bà H cũng chỉ thừa nhận có nhận của bà T 500 cây giống.

[2] Tại cấp phúc thẩm, bà T cung cấp đơn xác nhận ngày 28/3/2019 của anh Lê Văn Q, anh Ngô Đình P là những người được bà H thuê để chở cây giống cho bà H. Anh P và nguyên đơn xác nhận vì bà H cho rằng cây của bà T không đạt tiêu chuẩn nên bà chỉ nhận 1250 cây, số cây còn lại bà H không lấy. Anh Q cũng xác nhận vì cây không đạt chất lượng nên bà H chỉ lựa nhận một phần trong số cây mà bà T mang đến, nhưng bà H đã lấy bao nhiêu cây thì anh không biết. Thấy rằng nội dung trong các tờ xác nhận là chưa đủ cơ sở, bà H cũng không thừa nhận những nội dung mà bà T cung cấp. Ngày 19/7/2019 Toà án tiến hành xác minh đối với anh P; anh P cho biết xác định anh có ở trong đội bốc xếp, nhưng anh không biết số lượng cây là bao nhiêu vì thời gian qua đã quá lâu. Như vậy, lời khai của những người làm chứng là không có cơ sở, không có giá trị chứng minh cho yêu cầu của bà T. Ngoài ra, bà T không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được đã giao cho bà H 1250 cây. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 430, 440, 438 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 227, 228, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu T đối với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Do khấu trừ tiền cọc 5.000.000 đồng vào số tiền bà Huỳnh Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phan Thị Thu T nên bà Huỳnh Thị Cẩm H và ông Phạm Công B không phải thực hiện nghĩa vụ đối với bà Phan Thị Thu T.

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu của bà Phan Thị Thu T về việc bà yêu cầu bà Huỳnh Thị Cẩm H và ông Phạm Công B phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà số tiền mua cây giống là 12.500.000 (mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Thu T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 625.000 (sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 313.000 (ba trăm mười ba nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000324 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc. Buộc bà T phải nộp tiếp số tiền 312.000 (ba trăm mười hai nghìn) đồng.

Bà Phan Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền số 0002831 ngày 04/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc. Bà T đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại, các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Hồng